

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**  
**NET ASSET VALUE OF THE FUND**

*Từ ngày 15 tháng 2 năm 2018 đến ngày 21 tháng 2 năm 2018 / From 15 Feb 2018 to 21 Feb 2018*

Tên công ty quản lý quỹ/ Fund Management Company:

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương/ Techcom Capital Management Company Limited**

Tên ngân hàng giám sát / Supervising bank:

**Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) / Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.**

Tên Quỹ/ Fund name:

**Quỹ đầu tư Trái Phiếu Techcom/ Techcom Bond Fund**

Ngày định giá/Valuation date:

**22/02/18**

Ngày giao dịch/ Trading date:

**22/02/18**

| Tên Quỹ Mở<br><i>Fund Name</i>                                      | Giá dịch vụ<br>phát hành<br>(% giá trị<br>giao dịch)/<br><i>Subscription<br/>Fee (% of<br/>transaction<br/>amount)</i> | Giá dịch vụ<br>mua lại (%<br>giá trị giao<br>dịch)/<br><i>Redemption<br/>Fee (% of<br/>transaction<br/>amount)</i> | Giá trị tài sản ròng trên<br>một đơn vị quỹ tại ngày<br>định giá/<br><i>NAV per unit at<br/>Valuation Date</i> | Giá trị tài sản ròng trên<br>một đơn vị quỹ tại ngày<br>định giá kỳ trước/<br><i>NAV per unit last<br/>Valuation Date</i> | Tăng/Giảm giá trị tài<br>sản ròng trên một đơn<br>vị quỹ so với kỳ trước<br>(%)/<br><i>Change in NAV per<br/>unit compared to last<br/>Valuation Date (%)</i> | Biến động giá trị tài sản ròng<br>trên một đơn vị quỹ trong năm/<br><i>Change in NAV per unit in 1-<br/>year</i> |                                                         | Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN<br><i>Foreign Investors' Ownership Ratio</i> |                                                                           |                                        |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|                                                                     |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                |                                                                                                                           |                                                                                                                                                               | Mức cao nhất<br>(VND)<br><i>Highest level<br/>(VND)</i>                                                          | Mức thấp nhất<br>(VND)<br><i>Lowest level<br/>(VND)</i> | Số lượng đơn vị quỹ/<br><i>Number of fund unit</i>                  | Tổng giá trị tại ngày giao<br>dịch/<br><i>Total value on trading date</i> | Tỷ lệ sở hữu<br><i>Ownership Ratio</i> |
| 1                                                                   | 2                                                                                                                      | 3                                                                                                                  | 4                                                                                                              | 5                                                                                                                         | 6                                                                                                                                                             | 7                                                                                                                | 8                                                       | 9                                                                   | 10                                                                        | 11                                     |
| QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU<br>TECHCOM (TCBF)<br>Techcom Bond Fund (TCBF) | 0%<br>(*)                                                                                                              | 0% - 1%<br>(*)                                                                                                     | 11,894.60                                                                                                      | 11,877.86                                                                                                                 | 0.14%                                                                                                                                                         | 11,894.60                                                                                                        | 11,017.19                                               | 17,145.25                                                           | 203,935,891                                                               | 0.01%                                  |

Ghi chú / Notes:

(\*) Tham khảo chi tiết tại Điểm 4.1, mục IX, Bản cáo bạch Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom và Thông báo về thông tin giao dịch chứng chỉ quỹ mở của quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF) có hiệu lực từ ngày 08 tháng 08 năm 2017.  
 Please refer to Article 4.1, part IX of the Prospectus of Techcom Bond Fund and Fund certificate trading notice of TCBF which has come into effect since 08 Aug 2017.

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**

**Authorised Representative of Supervising Bank**

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ**

**Authorised Representative of Fund Management Company**

**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**

**Vũ Hương Giang**

Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương**

**Đặng Lưu Dũng**

Giám đốc